

Bản án số: **18/2019/DS-PT**

Ngày: 20-5-2019

V/v: “*Tranh chấp tài sản chung
và chia thừa kế*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Trương Hồng Căn và Ông Ngô Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp tài sản chung và chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2019/QĐPT-DS ngày 16/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐ-PT ngày 13/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Văn Đức L, sinh năm 1953.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Khu 5, phường HY, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Vũ Hữu Đ, sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Khu 5, phường HY, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: - Anh Văn Đức C, sinh năm 1985.

- Chị Văn Hoàng Thanh T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Số 61B đường HV, phường KL, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Số nhà 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 27 phố 5/8, phường KL, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 61B đường HV, phường KL, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 251 đường TT, phường KL, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 38 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 26 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 27 phố 5/8, phường KL, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu S, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Bà Hà Thị P, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 11 phố Z, khu 1, phường TP, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị P1, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khu 4, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

4. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2018 của nguyên đơn ông Văn Đức L, lời khai của các đương sự và quá trình tố tụng, thể hiện:

[1] Ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 1980 tại UBND xã HĐ, huyện HN (nay là thành phố Móng Cái). Ông L và bà M có 02 người con chung là chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C. Bố mẹ của bà M là ông Nguyễn Văn H3 và bà Chiếng Sọc D. Bà M có 02 người em trai là ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn Q. Năm 2011 bà Nguyễn Thị M chết, không để lại di chúc. Năm 2013 bố bà M là ông Nguyễn Văn H3 chết. Năm 2016 mẹ bà M là bà Chiếng Sọc D chết. Ông Nguyễn Văn H3 và bà Chiếng Sọc D đều không để lại di chúc.

Tài sản chung vợ chồng ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M gồm: 01 ngôi nhà 03 tầng gắn liền với quyền sử dụng 90m² đất đã được UBND thị xã Móng Cái (nay là thành phố Móng Cái) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 410203, ngày 20/6/2008, địa chỉ thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Nam Quốc Lộ 18 khu Km1,5 LT, phường ND, thị xã Móng Cái (nay là số 34 DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái).

Kết luận định giá tài sản ngày 20/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản dân sự thành phố Móng Cái kết luận: Trị giá đất và ngôi nhà 03 tầng là 1.364.433.891đ (một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi một đồng). Các đương sự đồng ý với kết luận định giá.

Các khoản nợ chung của vợ chồng ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M gồm:

- Nợ chị Nguyễn Thị H: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng);
- Nợ bà Hà Thị P: 66.400.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);
- Nợ bà Hoàng Thị P1: 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng);
- Nợ anh Nguyễn Quốc H2: 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng);
- Nợ bà Nguyễn Thị T1: 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- Nợ bà Vũ Thị H1: 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng);
- Nợ chị Hoàng Thị K: 01 chỉ vàng.

Nguyên đơn ông Văn Đức L yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông trong khối tài sản chung vợ chồng với bà Nguyễn Thị M và chia di sản của bà M theo quy định của pháp luật sau khi trừ các khoản nợ chung của vợ chồng. Ông L yêu cầu được sở hữu ngôi nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại số 34 DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái; ông có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ chung vợ chồng và thanh toán kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

[2] Bị đơn chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C thống nhất về tài sản chung và các khoản nợ của bố mẹ chị là ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M, nhưng yêu cầu được sở hữu ngôi nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại số 34 DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, chị T và anh C sẽ trả toàn bộ khoản nợ chung của bố mẹ chị và thanh toán phần tài sản chung và tài sản thừa kế cho ông Văn Đức L.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hà Thị Phú và bà Hoàng Thị P1 yêu cầu ông Văn Đức L và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị M phải thanh toán khoản nợ chung vợ chồng ông L, bà M, số tiền nợ bà P là 66.400.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền nợ bà P1 là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng).

[4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn Q: Phần thừa kế các ông được hưởng theo quy định của pháp luật, các ông cho chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C.

Bà Nguyễn Thị T1, bà Vũ Thị H1, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quốc H2:

- Nếu Tòa án giao ngôi nhà 03 tầng tại số 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái cho ông Văn Đức L, thì bà T1, bà H1, chị H, anh H2 yêu cầu ông Văn Đức L phải trả khoản nợ chung vợ chồng ông L, bà M.

- Nếu Tòa án giao ngôi nhà 03 tầng tại số 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái cho chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C, thì bà T1, bà H1, chị H, anh H2 sẽ cho chị T, anh C các khoản nợ chung của vợ chồng ông L, bà M.

Riêng chị Hoàng Thị K có quan điểm: khoản nợ vợ chồng ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M nợ chị là nhỏ, nên chị không yêu cầu ông L và các đồng thừa kế của bà M phải trả cho chị, chị đề nghị Tòa án không triệu tập chị tham gia tố tụng.

[5] Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã áp dụng:

- Khoản 5 Điều 26, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 217, Điều 219, Điều 222, Điều 223, khoản 2 Điều 305, Điều 474, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 637, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 623, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP, ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Đức L về việc chia tài sản chung và chia thừa kế. Ông L được nhận $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản chung và hưởng thừa kế là 416.616.945 đồng + 83.323.389 đồng = 499.940.334 đồng; Chị T và anh C, mỗi người được hưởng thừa kế là 166.646.778 đồng và tài sản do bà T1, bà H1, chị H, anh H2 cho từ khoản nợ chung vợ chồng ông L là $426.800.000\text{đ}/2 = 213.400.000$ đồng.

- Giao cho chị T và anh C được quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (trị giá tài sản là 1.364.433.891 đồng), chia theo phần chị T và anh C, mỗi người được nhận trị giá tài sản là 682.216.945 đồng.

Chị T và anh C phải thanh toán: cho ông L 499.940.334 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán 249.970.167 đồng; cho bà Hà Thị P 66.400.000 đồng, chia theo phần mỗi người phải thanh toán 33.200.000 đồng; cho bà Hoàng Thị Phương 38.000.000 đồng, chia theo phần, mỗi người phải thanh toán 19.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, nếu chị T và anh C chưa trả tiền hoặc trả chưa đủ số tiền phải trả cho ông L, bà P, bà Phương, thì chị T và anh C phải trả lãi

đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Ông L phải chịu 23.997.613 đồng, được trừ đi 19.500.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp, còn phải nộp tiếp 4.497.613 đồng; Chị T phải chịu 21.667.339 đồng; Anh C phải chịu 21.667.339 đồng, được trừ đi số tiền tạm ứng đã nộp 11.000.000 đồng, còn phải nộp tiếp 10.667.339 đồng.

Ngoài ra, bản án còn xử lý tiền tạm ứng án phí những người liên quan đã nộp, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái về đánh giá chứng cứ, cách chia di sản thừa kế, án phí, áp dụng điều luật và xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về phần đánh giá chứng cứ và cách chia tài sản, giữ nguyên nội dung kháng nghị còn lại và có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án theo nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh thấy:

[2.1] Đối với kháng nghị về đánh giá chứng cứ và cách chia tài sản:

Viện kiểm sát đã rút tại phiên tòa nên căn cứ Khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị này.

[2.2] Đối với kháng nghị về án phí:

Hội đồng xét xử thấy: Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1, bà H1, chị H và anh H2 đều có quan điểm trường hợp Tòa án quyết định giao nhà, đất cho anh C, chị T thì họ cho anh C, chị T toàn bộ số nợ là 426.800.000 đồng nên cấp sơ thẩm đã xác lập quyền sở hữu số nợ trên cho anh chị C, T và không buộc anh chị C, T phải thanh toán cho các chủ nợ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại buộc các bị đơn phải chịu án phí đối với khoản nợ này là chưa chính xác, bởi anh C, chị T không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba nên họ

không phải chịu án phí theo quy định tại điểm b mục 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Vì vậy, chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

[2.3] Đối với kháng nghị về xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án và áp dụng pháp luật, thấy:

Thứ nhất: Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị T và anh C phải chịu nghĩa vụ chậm thanh toán khi bản án có hiệu lực là chưa đảm bảo. Vì nghĩa vụ này chỉ phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án không thanh toán. Mặt khác, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 xác định nghĩa vụ chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả là không đúng, vì nghĩa vụ này là nghĩa vụ có thể phát sinh trong tương lai nên phải áp dụng điều khoản theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể phải áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Hơn nữa, vấn đề này đã được hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thứ hai, vụ án được thụ lý vào ngày 14/5/2018, tranh chấp về chia thừa kế phát sinh sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng các quy định về thừa kế tại Bộ luật Dân sự năm 2005 là không đúng.

Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về phần xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án và áp dụng pháp luật quy định về thừa kế tại Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng kháng nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chấp nhận kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Điều 217; Điều 219; Điều 224 Bộ luật Dân sự 2005.

Khoản 2 Điều 155; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 615; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 27; Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Văn Đức L về chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế, cụ thể:

1.1 Ông Văn Đức L được nhận ½ trị giá tài sản chung vợ chồng ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M là 416.616.945đ (bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm

mười sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng) và được hưởng phần tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị M là 83.323.389đ (tám mươi ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm tám mươi chín đồng). Tổng cộng là 499.940.334đ (bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

1.2. Chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C, mỗi người được hưởng phần tài sản thừa kế trị giá là 166.646.778đ (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng). Chị T và anh C mỗi người được hưởng phần tài sản do bà Nguyễn Thị T1, bà Vũ Thị H1, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc H2 cho từ khoản nợ chung vợ chồng ông Văn Đức L và bà Nguyễn Thị M là $426.800.000\text{đ}/2 = 213.400.000\text{đ}$ (hai trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

[2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Văn Đức L về việc được quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng và quyền sử dụng thửa đất ô số 69, lô 02, diện tích 90m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 410203 tại số 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái.

[3] Giao cho chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C được quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng và quyền sử dụng thửa đất ô số 69, lô 02, diện tích 90m² tại số 34 phố DT, khu HH, phường ND, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 410203, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01521 do UBND thị xã Móng Cái cấp ngày 20/6/2008 mang tên ông Văn Đức L. Trị giá tài sản là 1.364.433.891đ (một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi một đồng). Chia theo phần chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C, mỗi người được nhận trị giá tài sản là 682.216.945đ (sáu trăm tám mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục pháp lý theo qui định pháp luật.

[4] Chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C phải thanh toán cho ông Văn Đức L trị giá tài sản chung vợ chồng và tài sản thừa kế ông L được hưởng là 499.940.334đ (bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng). Chia theo phần, chị T và anh C, mỗi người phải thanh toán cho ông L số tiền là 249.970.167đ (hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

[4] Chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C phải thanh toán cho bà Hà Thị P số tiền nợ là 66.400.000đ (sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Chia theo phần, chị T và anh C mỗi người phải thanh toán cho bà P số tiền là 33.200.000đ (ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

[5] Chị Văn Hoàng Thanh T và anh Văn Đức C phải thanh toán cho bà Hoàng Thị Phương số tiền nợ là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng). Chia theo phần, chị T và anh C mỗi người phải thanh toán cho bà Phương số tiền là 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

[6] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí:

- Ông Văn Đức L phải chịu số tiền án phí là 23.997.613đ (hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười ba đồng), được trừ đi số tiền 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông L đã nộp tại Chi cục thi hành dân sự thành phố Móng Cái theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001234 ngày 09/5/2018, ông L còn phải nộp tiền án phí là 4.497.613đ (bốn triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười ba đồng).

- Chị Văn Hoàng Thanh T phải chịu số tiền án phí là: 8.332.339đ + 2.610.000đ = 10.942.339đ (mười triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm ba mươi chín đồng).

- Anh Văn Đức C phải chịu số tiền án phí là 8.332.339đ + 2.610.000đ = 10.942.339đ (mười triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm ba mươi chín đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.000.000đ (mười một triệu đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001380, ngày 07/9/2018, Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001362, 0001361, 0001360, ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Anh C đã thi hành xong án phí. Trả lại anh Văn Đức C 57.661đ (năm mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Móng Cái;
- THA Móng Cái, VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang